

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 09-02-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 896/2022/HNST ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2022/QĐXX - ST ngày 26 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên Tòa ngày 11-01-2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T - sinh năm:1983

Địa chỉ:175/7 - đường Nguyễn Hữu C, phường Thắng N, thành phố X, tỉnh Z (có mặt).

- Bị đơn: Anh Vũ Xuân H - sinh năm 1980

Địa chỉ:175/7 - đường Nguyễn Hữu C, phường Thắng N, thành phố x, tỉnh Z (vắng mặt đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa, chị Trần Thị T có những yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Chị Trần Thị T và anh Vũ Xuân H tìm hiểu nhau khoảng 02 năm, đến năm 2009, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thắng N, thành phố X, trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân của chị T, anh H hạnh phúc đến năm 2012; sau đó anh vi phạm pháp luật phải chấp hành bản án đến năm 2015 về được

mấy tháng anh H tiếp tục vi phạm pháp luật và phải chấp hành án đến năm 2021 mới xong. Khi về anh H không tu chí sửa chữa mà tiếp tục theo bạn xấu rủ rê thường xuyên bỏ nhà đi có khi vài ngày, có khi vài tuần mới về.

Năm 2019, chị T đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng anh H nói cho cơ hội để thay đổi nhưng đến nay vẫn như vậy. Quá trình sống chung, chị T, anh H chưa có con chung; không có con nuôi.

Nay chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu được hôn với anh Vũ Xuân H, sinh năm 1980; về con: Chị T, anh H chưa có con chung; không có con nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung chị T và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Xuân H, được Tòa án nhân dân thành phố X triệu tập nhiều lần tới Tòa giải quyết vụ án nhưng anh H vắng mặt không lý do; anh H không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố X phát biểu ý kiến:

[1] Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành và thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên Tòa thư ký và hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Điều 51,63 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại các điều: Điểm a khoản 2 Điều 227, 228,239,254 và Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị T đã chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn anh H không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều: Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con: Chị Trần Thị T, anh Vũ Xuân H không có con chung nên không xem xét;

Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí HNST: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại Tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X; nhận định của Tòa án:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn Trần Thị T và bị đơn anh Vũ Xuân H.

Các đương sự hiện cư trú thành phố X, tỉnh z, do đó vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố X; căn cứ khoản 1 điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 11-01-2023, Tòa án nhân dân thành phố X đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, bị đơn anh H được triệu tập hợp lệ vắng mặt không lý do; nay anh H vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan, vắng mặt không lý do; Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Vũ Xuân H.

Về nội dung:

[2] Năm 2009, chị Trần Thị T, anh Vũ Xuân H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thắng N, thành phố X và chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị T và anh H là đúng quy định của pháp luật.

Chị T cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc vì tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân do cuộc sống hôn nhân của chị T, anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn; chị T cho rằng anh H lệ thuộc vào chất gây nghiện, nhiều lần phải chấp hành án. Khi chấp hành xong không sửa chữa tiếp tục chơi với bạn xấu, không từ bỏ được chất gây nghiện.

Đối với bị đơn anh Vũ Xuân H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần tới Tòa để giải quyết vụ án, anh H vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T, qua đó thấy được anh H cũng không muốn gia đình đoàn tụ.

Qua việc xác minh mâu thuẫn: Chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị T, anh H cư trú, sinh sống cho biết; chị T, anh H cư trú sinh sống tại số 175/7 - đường Nguyễn Hữu C, phường Thắng N, thành phố X, tỉnh z, từ năm 2009, cho đến nay thời gian gần đây giữa chị T, anh H xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do anh H nghiện ma túy, nhiều lần phải đi cai nghiện bắt buộc.

[3] Nhận định của Hội đồng xét xử: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Trần Thị T và anh Vũ Xuân H là có thật, như chị Thảo và chính quyền nơi chị T, anh H cư trú, sinh sống cho biết.

Hội đồng xét xử xét thấy; cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nhiều lần Tòa án nhân dân thành phố X triệu tập anh H đến để hòa giải, giải quyết vụ án, nhưng anh H vắng mặt không lý do, cho thấy anh H không muốn gia đình đoàn tụ, do đó có đủ căn cứ áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T; chị Trần Thị T được ly hôn với anh Vũ Xuân H.

Về con: Chị T, anh H chưa có con chung, không có con nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Án phí HNST: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Thảo đã

nộp theo biên lai thu số 0003278, ngày 12-10-2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; chị T đã nộp xong án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[1] Về hôn nhân tuyên xử: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Vũ Xuân H.

[2] Về con: Chị T, anh chưa có con chung; không có con nuôi nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Án phí HNST: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003278, ngày 12-10-2022, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X; chị Trần Thị T đã nộp xong án phí.

[5] Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt quyền kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc 15 ngày, tính từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân xã phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Hồng Phúc

